

**HƯỚNG DẪN ÔN THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10
NĂM HỌC: 2023 – 2024**

1. Quy định chung

- Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận

+ Trắc nghiệm: 70 % (35 câu)

+ Tự luận: 30% (3 câu)

- Kiến thức trọng tâm:

Bài 3: Thị trường

Bài 4: Cơ chế thị trường

Bài 6: Thuế

Bài 7: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

Bài 8: Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống

Bài 11: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật

Bài 13: Thực hiện pháp luật

Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị

Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp.

Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường.

Thời gian làm bài: 90 phút

2. Ma trận

**MA TRẬN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG KHỐI 10
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng		% tổng điểm
			Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH		
											TN	TL	
1	Thị trường và cơ chế thị trường	1. Thị trường	1								1	1*	
		2. Cơ chế thị trường			1						1		
2	Ngân sách nhà nước và thuế	3. Thuế	1		1						2		
3	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	2		2		2		1		7		

4	Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	5. Tín dụng và vai trò của tín dụng trong đời sống	2				1		1		4			
5	Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	6. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật	1		1		2		1		5	2, 3**		
		7. Thực hiện pháp luật			2		1				3			
6	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	8. Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2								2			
		9. Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị	1		1						2			
		10. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp.			2		2		1		5			
		11. Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường.					2		1		3			
TỔ			10		100		1		5		35	3	100	
Tỷ lệ			20		20		20		10		70	30	100	
Tỷ lệ					40				30		100			

Lưu ý: 1* có thể ra tự luận ở bài 3, 4,6,7,8; 2,3** có thể ra tự luận ở bài 11,13,14,15, 17

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Thị trường và cơ chế thị trường	1. Thị trường	Nhận biết: Nêu được khái niệm thị trường. Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường.	1	0	0	0
		2. Cơ chế thị trường	Thông hiểu: Phân tích, lý giải được tính hai mặt của cơ chế thị trường. Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện sự vận dụng ưu điểm và khắc phục hạn chế của cơ chế thị trường. Nêu được một số trường hợp cụ thể mà các chủ thể kinh tế vận dụng các chức năng của giá cả thị trường	0	1	0	0

2	Ngân sách Nhà nước và thuế	3. Thuế	<p>Nhận biết: Nêu được khái niệm thuế là gì, một số loại thuế ở nước ta hiện nay. Nêu được vai trò của thuế Nêu được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân khi thực hiện pháp luật về thuế Thông hiểu: Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế. Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế.</p> <p>Thông hiểu: Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế. Phân biệt được sự khác nhau giữa các chủ thể nộp thuế.</p>	1	1	0	0
3	Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	<p>Nhận biết: Nêu được khái niệm sản xuất kinh doanh. Chỉ ra được những vai trò cơ bản của sản xuất kinh doanh. Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó</p> <p>Thông hiểu: Phân biệt được các mô hình sản xuất kinh doanh. Tìm hiểu, đánh giá và tham gia vào một số hoạt động kinh tế phù hợp để mang lại thu nhập hợp pháp cho bản thân.</p> <p>Vận dụng: Nhận xét, đánh giá được các hành vi, việc làm của cá nhân và tổ chức trong việc thực hiện pháp luật về sản xuất kinh doanh Có trách nhiệm trong việc tạo dựng và chuẩn bị nghề nghiệp cho bản thân thông qua việc lựa chọn mô hình kinh tế phù hợp cho bản thân và gia đình (Tự luận 1)</p> <p>Vận dụng cao: Phân tích đánh giá được những việc làm cụ thể của bản thân và người khác khi tham gia vào các hoạt động kinh tế. Biết tìm hiểu và học tập các mô hình kinh doanh có hiệu quả để áp dụng cho bản thân mang lại thu nhập hợp pháp.</p>	2	2	3	1
4	Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống	5. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng trong đời sống	<p>Nhận biết Nêu được khái niệm tín dụng là gì Chỉ ra được những đặc điểm của tín dụng</p>	2	0	1	1

6	Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	6. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật	<p>Nhận biết: Nêu được khái niệm, đặc điểm, của pháp luật trong đời sống xã hội.</p> <p>Thông hiểu: Xác định được: vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.</p> <p>Vận dụng: Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.</p> <p>Vận dụng cao: Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.</p>	1	1	2	1
		7. Thực hiện pháp luật	<p>Thông hiểu: Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật.</p> <p>Vận dụng: Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. (Tự luận 2)</p> <p>Vận dụng cao: Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.</p>	0	2	2	0
7	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	8. Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	<p>Nhận biết: Nêu được khái niệm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p>	2	0	0	0
		9. Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị	<p>Nhận biết: Nêu được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Thông hiểu:</p>	1	1	0	0
	10. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp.	<p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng: Thực hiện các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với độ tuổi.</p> <p>Vận dụng cao: Có thái độ đồng tình ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; lên án, phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.</p>	0	2	2	1	
	11. Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường.	<p>Vận dụng: Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp về kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi</p> <p>Vận dụng cao: Có thái độ đồng tình, ủng hộ đối với các hành vi thực hiện đúng; phê phán quy định của Hiến pháp. (Tự luận 3)</p>	0	0	2	2	
Tổng			10	10	12	6	

**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP THI HSG CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC 2023 - 2024**

Môn: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT - Khối:10

HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

BÀI 3: THỊ TRƯỜNG

3. Tìm hiểu các chức năng cơ bản của thị trường

- + Chức năng thừa nhận: thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hóa có bán được hay không và bán với giá như thế nào.
- + Chức năng thông tin: cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hóa, giá cả, tình hình cung cầu về các loại hàng hóa.
- + Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

Bài 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

b, Chức năng của giá cả thị trường

- + Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.
- + Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.
- + Là công cụ để Nhà nước thực hiện quản lý, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

BÀI 6: THUẾ

a. Vai trò của thuế

Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.

Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước.

Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

b. Một số loại thuế phổ biến

Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế. Thuế trực thu có:

- + Thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Thuế thu nhập cá nhân.

BÀI 7: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Một số mô hình sản xuất kinh doanh

a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh

Hộ sản xuất kinh doanh là do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

- Hộ kinh doanh chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

- Có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lý gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn

b, Mô hình hợp tác xã

* Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác

Đặc điểm của hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể; các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh; có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lý hợp tác xã.

c, Mô hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp có đặc điểm

- + Có tính kinh doanh;
- + Có tính hợp pháp;
- + Có tính tổ chức;

*** Khái niệm Doanh nghiệp tư nhân**

- Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

*** Khái niệm Công ty cổ phần**

- Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được

chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần

BÀI 8: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG

1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng

- Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi.

- Tín dụng có đặc điểm cơ bản là:

+ Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn;

+ Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định;

+ Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.

2. Vai trò của tín dụng

- Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhân rồi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người đang cần vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả.

- Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước.

- Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

BÀI 11: KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

1. a, Khái niệm: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

b, đặc điểm

Tính quy phạm phổ biến: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người. Đây là đặc điểm để phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác.

Tính quyền lực bắt buộc chung: Pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lí nghiêm minh

Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

+ Pháp luật phải được thể hiện bằng các văn bản có chứa quy phạm pháp luật.

+ Văn bản quy phạm pháp luật phải do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục, hình thức luật định. Chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Hiến pháp, luật quy định mới được ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Tất cả văn bản quy phạm pháp luật đều phải phù hợp, không được trái với Hiến pháp. Văn bản quy phạm pháp luật do cấp dưới ban hành không được trái với nội dung văn bản do cấp trên ban hành

2. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội

a) Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội

- Pháp luật điều chỉnh, định hướng các quan hệ xã hội theo khuôn mẫu chung thống nhất, tạo nên trật tự xã hội ổn định, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

- Pháp luật là phương tiện để Nhà nước kiểm tra, kiểm soát hoạt động của cá nhân, tổ chức, trong phạm vi lãnh thổ của mình

- Pháp luật tạo cơ sở pháp lí để Nhà nước phát huy quyền lực, sức mạnh trong quản lí nhà nước nhằm đảm bảo dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

b, Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội

- Tạo cơ sở pháp lí để công dân thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

- Tạo cơ sở pháp lí để giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lí các hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

BÀI 13: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

1, Khái niệm

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức

2, Các hình thức thực hiện pháp luật

Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật (tổ chức, cá nhân) kiểm chế không thực hiện các hành vi pháp luật cấm.

Thi hành pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó việc các chủ thể pháp luật (tổ chức, cá nhân)

chủ động thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ mà pháp luật quy định phải làm (bắt buộc phải làm).

Sử dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể (tổ chức, cá nhân) thực hiện các quyền và tự do pháp lí của mình theo quy định của pháp luật (làm những việc pháp luật cho phép làm).

Áp dụng pháp luật là việc các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc cá nhân, tổ chức được Nhà nước trao quyền, căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc thực hiện quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức

BÀI 14: GIỚI THIỆU VỀ HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Khái niệm và vị trí của hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Khái niệm: Hiến pháp là hệ thống các quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lí cao nhất quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hoá, xã hội, tổ chức quyền lực nhà nước, địa vị pháp lí của con người và công dân.

- Vị trí: + Là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lí cao nhất, do Quốc hội ban hành
+ Quy định những vấn đề quan trọng của đất nước.

2. Đặc điểm của hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Hiến pháp có hiệu lực pháp lí lâu dài và tương đối ổn định

- Hiến pháp có quy trình làm sửa đổi đặc biệt được quy định tại Hiến pháp

Bước 1: Yêu cầu làm, sửa đổi Hiến pháp

Bước 2: Quốc hội quyết định làm, sửa đổi Hiến pháp Bước 3: Quốc hội thành lập Ban dự thảo Hiến pháp

Bước 4: Soạn thảo Dự thảo Hiến pháp

Bước 5: Lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo Hiến pháp Bước 6: Trình Quốc hội thảo luận Dự thảo Hiến pháp

Bước 7: Quốc hội thông qua Hiến pháp

Bước 8: Chủ tịch nước công bố Hiến pháp

BÀI 15. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

1. Hiến pháp 2013 về hình thức chính thể và chủ quyền, lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Chính thể của nước Việt Nam là nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa.

- Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị.

2. Quy định về đường lối đối ngoại, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a. Quy định về đường lối đối ngoại

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

BÀI 16. QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN TRONG HIẾN PHÁP

1. Nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người

Hiến pháp năm 2013 quy định rõ quyền con người như sau: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội (Điều 16); Mọi người đều có quyền sống (Điều 19); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm; Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật (Điều 20); Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; Mọi người có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác (Điều 21);..

2. Một số nội dung của Hiến pháp năm 2013 về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

a) Các quyền về chính trị, dân sự.

b) Các quyền về kinh tế, văn hoá, xã hội.

c) Nghĩa vụ cơ bản của công dân.

BÀI 17: NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP VỀ KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, GIÁO DỤC,

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP 2013 VỀ KINH TẾ

- Bản chất nền kinh tế: Là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu
- Các thành phần kinh tế. Nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo
- Sở hữu toàn dân: Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý
- Quản lý tài sản nhà nước: Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật

2. NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI

- Tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hoà và ổn định
- Chăm lo, phát triển sức khoẻ của nhân dân; tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội
- Chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại;...

3. NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP NĂM 2013 VỀ GIÁO DỤC

Điều 61 Hiến pháp năm 2013 xác định : - Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu

- Nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài
- Ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư cho giáo dục
- Chăm lo phát triển giáo dục ở các cấp học, thực hiện phổ cập giáo dục và các chính sách về học bổng, học phí